TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44 /2019/DS-ST
Ngày: 27/8/2019
V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huynh.

2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/8/2019, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2019/TLST – DS ngày 31/5/2019 về "Tranh chấp di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST–DS ngày 09/8/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Ngô Lê Minh A, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Khu BC, xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng M, sinh năm 1967.
Địa chỉ: A, đường PVT, phường B, quận BT, TP.Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 19/4/2019).

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị M, sinh năm 1960.
HKTT: Tổ C, khu BC, xã AP, huyện LT, Đồng Nai.
Chỗ ở hiện nay: Tổ D, khu Đ, xã LĐ, huyện LT, Đồng Nai.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Đình P, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Tổ D, khu Đ, xã LĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (văn bản ủy quyền ngày 31/5/2019).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957.
Địa chỉ: Ấp BT, xã PA, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.
2/ Ông Nguyễn Sinh T, sinh năm 1973.

3/ Bà Nguyễn Phương L, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Số X, đường O, ấp BC, xã PT, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

Ông T ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 08/7/2019).

4/ Ông Lê Văn N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp BT, xã PA, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

5/ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số L, tổ V, ấp N, xã PT, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

6/ Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1937.

Địa chỉ: Số M, tổ P, ấp B, xã PA, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

7/ Bà Thái Thị N1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số I, ấp BT, xã PA, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

8/ Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp Y, xã HP, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

9/ Bà Đặng Thị H1, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ T, khu VH, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

10/ Bà Phạm Thị Ngọc P1, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp BP, xã LT, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

11/ Ông Trần Hoàng D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp BC, xã PT, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

12/ Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT.

Địa chỉ: Khu PH, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh B – Chi cục trưởng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình Tr1 – Chấp hành viên (Văn bản ủy quyền ngày 24/6/2019).

13/ Ông Nguyễn Ngô Th, sinh năm 1931.

14/ Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1933.

Cùng địa chỉ: xã HS, huyện AS, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Th1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số R, phường NTB, Quận , thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 03/6/2019).

(Ông M, ông P, ông Th, bà L, bà N, bà Tr, bà P1, bà H1 có mặt; bà T, anh N, ông D, ông Tr1 có đơn xin vắng mặt; ông G có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Đỗ Hoàng M trình bày:***

Lúc còn sống, ông Nguyễn Ngô Trị và bà Lê Thị M có tài sản chung là nhà, đất tại thửa 767, tờ bản đồ số 09, có diện tích là 528m^2 đã được UBND huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy số 00450/QSDĐ/LT4 ngày 29/6/1994. Diện tích đất này do ông Trị, bà M được Ủy ban nhân dân huyện Long Thành cấp vào năm 1988, đến năm 1991 thì bắt đầu xây dựng nhà. Vào tháng 12/1992, ông Nguyễn Ngô Trị đi làm nhiệm vụ và hi sinh, được nhà nước công nhận là Liệt sỹ vào ngày 24/12/1992.

Quyền sử dụng đất và tài sản có trên đất là tài sản chung của ông Trị và bà M. Ông Nguyễn Ngô Lê Minh A là con trai duy nhất nên khi ông Trị chết, ông Minh A phải được hưởng di sản. Tuy nhiên bà M đã không chia tài sản cho ông A.

Do đó, ông Nguyễn Ngô Lê Minh A khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa thế cho ông A như sau: Đề nghị được hưởng ¼ tổng giá trị nhà, đất tại thửa 767, tờ bản đồ số 9 xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai, ước tính khoảng 1.500.000.000đ. Yêu cầu bà M thanh toán một lần số tiền trên.

Tại phiên tòa, ông Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án chia di sản của ông Trị theo quy định của pháp luật.

**** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện bị đơn ông Đặng Đình Ph trình bày:***

Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Ngô Trị kết hôn với nhau năm 1983, có 01 người con chung tên Nguyễn Ngô Lê Minh A, sinh năm 1985. Ngày 10/7/1992 ông Trị hi sinh, được công nhận là liệt sỹ theo quyết định số 616/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/12/1993.

Quá trình chung sống, ông Trị và bà M có tạo lập được một khối tài sản chung gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 767, tờ bản đồ số 09, xã AP có diện tích là 528m^2 đã được UBND huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/6/1994.

Diện tích đất trên được UBND huyện Long Thành cấp cho ông Trị, bà M vào năm 1988, đến năm 1989 thì ông Trị, bà M xây dựng căn nhà trên đất. Năm 1992 ông Trị hi sinh nên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tên ông Trị. Ngoài ông Nguyễn Ngô Lê Minh A ra thì ông Trị, bà M không có con chung, con riêng nào khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Minh A thì bà M không đồng ý. Bà M đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1/ Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngô Th, bà Nguyễn Thị L2 là ông Nguyễn Hoàng Th1 trình bày:

Ông Nguyễn Ngô Th, bà Nguyễn Thị L2 là bố mẹ ruột của ông Nguyễn Ngô Trị, sinh năm 1958, mất năm 1992, theo giấy báo tử ngày 05/01/1993. Ông Nguyễn Ngô Trị kết hôn với bà Lê Thị M và có 01 con chung tên Nguyễn Ngô Lê Minh A, sinh năm 1985.

Nay được biết ông Nguyễn Ngô Lê Minh A đang tranh chấp chia di sản thừa kế của cha là ông Nguyễn Ngô Trị để lại. Di sản là nhà, đất thuộc thửa 767, tờ bản đồ số 09, xã AP có diện tích là 528m^2. Đối với yêu cầu chia thừa kế của ông Minh A thì ông Th, bà L2 đề nghị Tòa án chia tài sản của ông Trị theo quy định của pháp luật.

2/ Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà M vay của bà số tiền 140.000.000 đồng vào khoảng năm 2010. Do bà M không trả nợ nên vào năm 2011 bà đã khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 44/2012/QĐST-DS ngày 14/9/2012, bà M có trách nhiệm trả cho bà số tiền 155.000.000 đồng cả gốc và lãi. Bà đã làm đơn yêu cầu thi hành án đối với bà Lê Thị M, Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành đã ban hành quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 156/QĐ-CCTHADS ngày 21/6/2019 cho thi hành quyết định của Tòa án. Tuy nhiên cho đến nay thì bà M vẫn chưa trả cho bà được bất kỳ khoản tiền nào.

Còn đối với yêu cầu chia thừa kế của ông A đối với bà M thì bà không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3/ Tại bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Nguyễn Phương L, đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Sinh T trình bày:

Bà M vay của vợ chồng bà số tiền 907.255.000 đồng vào khoảng năm 2010. Do bà M không trả nợ cho vợ chồng bà nên vào năm 2011 bà đã khởi kiện bà M tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 79/2011/QĐST-DS ngày 02/12/2011, bà M có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền 1.028.907.818 đồng. Vợ chồng bà đã làm đơn yêu cầu thi hành án đối với bà Lê Thị M, Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành đã ban hành quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 153/QĐ-CCTHADS ngày 21/6/2019 cho thi hành quyết định của Tòa án. Tuy nhiên cho đến nay thì bà M vẫn chưa trả cho bà được bất kỳ khoản tiền nào.

Còn đối với yêu cầu chia thừa kế của ông A đối với bà M thì bà có ý kiến như sau: Đề nghị bà M trả hết số tiền bà M còn nợ, sau đó mới chia thừa kế cho ông Minh A.

4/ Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bà Đặng Thị H1 trình bày:

Bà M vay của bà số tiền 230.000.000 đồng vào khoảng năm 2010. Do bà M không trả nợ cho bà nên vào năm 2011 bà đã khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 65/2011/QĐST-DS ngày 23/9/2011, bà M có trách nhiệm trả cho bà số tiền 250.700.000 đồng cả gốc và lãi. Bà đã làm đơn yêu cầu thi hành án đối với bà Lê Thị M, Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành đã ban hành quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 151/QĐ-CCTHADS ngày 21/6/2019 cho thi hành quyết định của Tòa án. Tuy nhiên cho đến nay thì bà M vẫn chưa trả cho bà được bất kỳ khoản tiền nào.

Còn đối với yêu cầu chia thừa kế của ông Anh đối với bà M thì bà có ý kiến như sau: Đề nghị bà M trả hết số tiền bà M còn nợ, sau đó mới chia thừa kế cho ông Minh A.

5/ Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tr trình bày:

Bà M vay của bà số tiền 388.230.375 đồng vào khoảng năm 2010. Do bà M không trả nợ cho bà nên vào năm 2011 bà đã khởi kiện. Tòa án đã buộc bà M có trách nhiệm trả cho bà số tiền 388.230.375 đồng. Bà đã làm đơn yêu cầu thi hành án đối với bà Lê Thị M, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành đã ban hành quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 157/QĐ-CCTHADS ngày 21/6/2019 cho thi hành quyết định của Tòa án. Tuy nhiên cho đến nay thì bà M vẫn chưa trả cho bà được bất kỳ khoản tiền nào.

Còn đối với yêu cầu chia thừa kế của ông A đối với bà M thì bà đề nghị Tòa án xem xét buộc bà M thanh toán các khoản nợ, còn lại bao nhiêu thì chia thừa kế.

6/ Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Thái Thị N trình bày:

Bà M vay của bà số tiền 150.000.000 đồng vào khoảng năm 2010. Do bà M không trả nợ nên vào năm 2011 bà đã khởi kiện bà M tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 28/2011/QĐST-DS ngày 24/5/2011, bà M có trách nhiệm trả cho bà số tiền 150.000.000 đồng. Bà đã làm đơn yêu cầu thi hành án đối với bà Lê Thị M, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành đã ban hành quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 149/QĐ-CCTHADS ngày 21/6/2019 cho thi hành quyết định của Tòa án. Tuy nhiên cho đến nay thì bà M vẫn chưa trả cho bà được bất kỳ khoản tiền nào.

Còn đối với yêu cầu chia thừa kế của ông A đối với bà M thì bà không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

7/ Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn G trình bày:

Bà M vay của ông số tiền 60.000.000 đồng vào năm 2009. Do bà M không trả nợ nên vào năm 2011 ông đã khởi kiện bà M tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 64/2011/QDDS-ST ngày 23/9/2011, bà M có trách nhiệm trả cho ông số tiền là 68.155.000 đồng trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng và 8.155.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 26/9/2011 ông đã làm đơn yêu cầu thi hành án nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Ngày 30/9/2011, Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành đã ban hành quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 06/QĐ-CCTHA cho thi hành quyết định của Tòa án. Tuy nhiên do bà M không có tài sản để thi hành án nên ngày 10/9/2013, chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành đã ra Quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án số 60/QĐ-CCTHA. Cho đến nay thì bà M vẫn chưa trả cho ông được bất kỳ khoản tiền nào.

Còn đối với yêu cầu chia thừa kế của ông A đối với bà M thì ông có ý kiến như sau: Đề nghị bà M trả hết số tiền bà M còn nợ, sau đó mới chia thừa kế cho ông Minh A.

8/ Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tai phiên tòa, bà Phạm Thị Ngọc P1 trình bày:

Bà M vay của bà số tiền 30.000.000 đồng vào khoảng năm 2010. Do bà M không trả nợ nên vào năm 2011 bà đã khởi kiện bà M tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 88/2011/QĐST-DS ngày 28/12/2011, bà M có trách nhiệm trả cho bà số tiền 32.700.000 đồng cả gốc và lãi. Bà đã làm đơn yêu cầu thi hành án đối với bà Lê Thị M, Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành đã ban hành quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 154/QĐ-CCTHADS ngày 21/6/2019 cho thi hành quyết định của Tòa án. Tuy nhiên cho đến nay thì bà M vẫn chưa trả cho bà được bất kỳ khoản tiền nào.

Còn đối với yêu cầu chia thừa kế của ông A đối với bà M thì bà có ý kiến như sau: Đề nghị bà M trả hết số tiền bà M còn nợ, sau đó mới chia thừa kế cho ông Minh A.

9/ Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, anh Lê Văn N trình bày:

Bà M vay của anh số tiền 6.200.000 đồng vào khoảng năm 2011, do bà M không trả nợ nên vào năm 2011 anh đã khởi kiện bà M tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 72/2011/QĐ-DSST ngày 16/11/2011, bà M có trách nhiệm trả cho anh số tiền 6.200.000 đồng. Anh đã làm đơn yêu cầu thi hành án đối với bà Lê Thị M, Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành đã ban hành quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 152/QĐ-CCTHADS ngày 21/6/2019 cho thi hành quyết định của Tòa án. Tuy nhiên cho đến nay thì bà M vẫn chưa trả cho anh được bất kỳ khoản tiền nào.

Còn đối với yêu cầu chia thừa kế của ông A đối với bà M thì anh không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

10/ Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà M vay của bà số tiền 10.000.000 đồng vào khoảng năm 2010. Do bà M không trả nợ nên vào năm 2011 bà đã khởi kiện bà M tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 89/2011/QĐST-DS ngày 28/12/2011, bà M có trách nhiệm trả cho bà số tiền 10.000.000 đồng. Bà đã có làm đơn yêu cầu thi hành án đối với bà Lê Thị M, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành đã ban hành quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 141/QĐ-CCTHADS ngày 04/6/2019 cho thi hành quyết định của Tòa án. Tuy nhiên cho đến nay thì bà M vẫn chưa trả cho bà được bất kỳ khoản tiền nào.

Còn đối với yêu cầu chia thừa kế của ông A đối với bà M thì bà không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

11/ Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, ông Trần Hoàng D trình bày:

Bà M vay của ông số tiền 30.000.000 đồng vào khoảng năm 2010. Do bà M không trả nợ nên vào năm 2011 ông đã khởi kiện bà M tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 90/2011/QĐST-DS ngày 29/12/2011, bà M có trách nhiệm trả cho ông số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 18/6/2019, ông có làm đơn yêu cầu thi hành án đối với bà Lê Thị M, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành đã ban hành quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 155/QĐ-CCTHADS ngày 21/6/2019 cho thi hành quyết định của Tòa án. Tuy nhiên cho đến nay thì bà M vẫn chưa trả cho ông được bất kỳ khoản tiền nào.

Còn đối với yêu cầu chia thừa kế của ông A đối với bà M thì ông không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

12/ Đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT trình bày:

Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành đang thụ lý thi hành bản án số 13/2016/DS-St ngày 27/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo nội dung bản án thì bà Lê Thị M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH MTV Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Nam Đồng Nai số tiền 1.927.250.000 đồng (gốc là 900.000.000 đồng, lãi trong hạn 742.625.000 đồng, lãi quá hạn 284.625.000 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 28/5/2016 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Quá trình thi hành án, bà Lê Thị M không tự nguyện thi hành án nên Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành đã tiến hành kê biên tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 528m^2 thuộc thửa 767, tờ bản đồ số 9 (thửa mới là 236, tờ bản đồ số 61) xã AP, huyện LT và tài sản gắn liền với đất.

Sau khi kê biên, Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện LT đã tiến hành ký hợp đồng thẩm định giá với Công ty cổ phần thẩm định giá Trung Tín. Ngày 17/10/2018, Công ty cổ phần thẩm định giá Trung Tín đã thẩm định tài sản nêu trên với giá 6.215.805.000 đồng.

Ngày 25/02/2019, Chi cục thi hành án dân sự huyện LT đã ký hợp đồng bán đấu giá với Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kinh doanh bất động sản Minh Châu Cường. Đến ngày 29/3/2019, Chi cục thi hành án nhận được công văn về việc không có người đăng ký tham gia mua tài sản của bà M.

Ngày 16/4/2019, chấp hành viên của Chi cục đã ra Quyết định giảm giá 5%, đề nghị bán đấu giá với số tiền 5.905.014.750 đồng. Ngày 17/4/2019, Chi cục thi hành án dân sự huyện LT tiếp tục ký hợp đồng với Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kinh doanh bất động sản Minh Châu Cường bán tài sản nói trên.

Đến ngày 24/5/2019, Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kinh doanh bất động sản Minh Châu Cường đã tổ chức bán đấu giá tại Trụ sở Chi Cục thi hành án dân sự huyện LT, người trúng đấu giá là bà Võ Thị Thanh Thúy, sinh năm

1969, địa chỉ: Tổ 4, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, mua trúng đấu giá với giá 5.921.000.000 đồng.

Ngày 25/7/2019, Công ty TNHH MTV Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Nam Đồng Nai đã cung cấp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện LT phiếu tính lãi suất đối với số nợ của bà Lê Thị M là 2.475.200.000 đồng (trong đó: gốc: 900.000.000 đồng, lãi suất: 1.575.200 đồng). Các chi phí liên quan đến bản án của Công ty TNHH MTV Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Nam Đồng Nai là 169.000.000 đồng.

Sau khi đã trừ các khoản chi phí để thi hành bản án của Công ty TNHH MTV Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Nam Đồng Nai thì hiện nay Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành còn giữ số tiền 3.105.011.870 đồng theo bảng kê phân phối tiền thu được để thi hành án ngày 01/7/2019.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định diện tích đất thuộc thửa số 767, tờ bản đồ số 9 xã AP, huyện LT là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Ngô Trị và bà Lê Thị M. Ông Trị hi sinh nên xác định quyền sử dụng đất có ½ là di sản thừa kế của ông Trị để lại chưa chia. Nay, ông Anh có yêu cầu chia di sản thừa kế là có cơ sở xem xét.

Ông Trị chết không để lại di chúc nên ½ quyền sử dụng đất thuộc thửa 767, tờ bản đồ số 9 xã AP là di sản và được chia cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm vợ là bà Lê Thị M; con trai duy nhất là ông Nguyễn Ngô Lệ Minh A; bố mẹ là ông Nguyễn Ngô Th, Nguyễn Thị L2, mỗi người một phần bằng nhau.

Tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất tài sản trên đất là tài sản riêng của bà M nên ghi nhận. Di sản thừa kế của ông Trị tương đương 5.318.780.000đ : 2 = 2.659.390.000đ. 04 người nhận thừa kế của ông Trị được nhận mỗi người là 2.659.390.000đ : 4 = 664.847.500đ.

Bà M quản lý di sản thừa kế để lại từ năm 1993 đến nay nhưng không yêu cầu chi phí quản lý, các bên không có yêu cầu hay thỏa thuận khác. Tuy nhiên, hiện bà M đang phải trả nợ cho nhiều cá nhân khác nên việc từ chối nhận thù lao quản lý di sản ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người này. Do đó, ông A, ông Th, bà L2 phải chi trả khoản thù lao này để bà M thanh toán một phần nợ.

Đề xuất thù lao quản lý mỗi tháng 2.500.000đ. Từ tháng 12/1993 đến ngày 27/8/2019 tương đương 25 năm 8 tháng, tương đương số tiền 770.000.000đ.

Như vậy, mỗi người thừa kế là ông A, ông Th, bà L2 còn lại số tiền 472.347.500đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Ngô Lê Minh A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị M phải chia thừa kế đối với di sản thừa kế do ông Nguyễn Ngô Trị để lại. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn bà Lê Thị M thường trú tại xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Ngô Trị chết năm 1992. Đến ngày 30/5/2019, ông Nguyễn Ngô Lê Minh A khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với di sản do ông Trị để lại. Căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015, thời hiệu yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Trị vẫn còn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT, anh Lê Văn N, ông Trần Hoàng D, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Long Thành vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hàng thừa kế:

Qua lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Nguyễn Ngô Trị và bà Lê Thị M kết hôn với nhau năm 1983 và chỉ có 01 người con duy nhất là ông Nguyễn Ngô Lê Minh A, sinh năm 1985. Ông Nguyễn Ngô Trị có cha tên Nguyễn Ngô Th và mẹ là Nguyễn Thị L2. Năm 1992 ông Trị hi sinh, không để lại di chúc nên hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của điểm a, khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 gồm: Ông Nguyễn Ngô Th, bà Nguyễn Thị L2, bà Lê Thị M và ông Nguyễn Ngô Lê Minh A.

- Về di sản thừa kế:

Theo ông Nguyễn Ngô Lê Minh A và bà Lê Thị M thì nguồn gốc diện tích đất 528m^2 thuộc thửa 767, tờ bản đồ địa chính số 09 xã AP là do UBND huyện Long Thành cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Ngô Trị và Lê Thị M. Đến năm 1991 thì vợ chồng ông Trị xây dựng nhà. Ngày 29/6/1994, UBND huyện Long Thành đã ban hành Quyết định số 404.QĐ/UB cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị M. Trong quá trình sử dụng, bà Lê Thị M xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và qua đo đạc thực tế thì diện tích đất giảm 54m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1994, diện tích chính xác là 474m^2 thuộc thửa số 236, tờ bản đồ địa chính số 61 (mới) xã An Phước.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã đến UBND xã AP để xác minh về nguồn gốc nhà, đất thuộc thửa số 236, tờ bản đồ địa chính số 61 (mới) xã AP.

Mặc dù chính quyền địa phương không biết rõ nguồn gốc nhà, đất, nhưng qua kiểm tra hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND xã AP còn giữ 01 bản chính Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị M đề ngày 30/10/1993 và cung cấp cho Tòa án bản photo. Tại Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/10/1993 thể hiện nội dung: Hội đồng xét duyệt cấp giấy chứng nhận xã AP xác định nguồn gốc đất do huyện cấp năm 1988 có diện tích 528m^2, tứ cận Đông giáp đường đất; Tây giáp Lê Văn Luông; Nam giáp Hà Ngọc Nhuần; Bắc giáp Đinh Văn Hạnh.

Qua các biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Trường Thụ - Trưởng khu BC, xã AP và ông Đinh Quang Trường, Trần Văn Nghĩa – hiện công tác tại Trường sỹ quan lục quân 2 thể hiện: Diện tích đất thuộc thửa số 236, tờ bản đồ địa chính số 61 (mới) xã AP do UBND huyện Long Thành cấp cho ông Trị, bà M vào năm 1988, đến năm 1991 ông Trị, bà M xây dựng nhà.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu nhập được nêu trên, các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa, ông M – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông P - người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều xác nhận năm 1991 ông Trị, bà M xây nhà cấp 4, không phải căn nhà cấp 3 hiện nay nên các đương sự đều thống nhất xác nhận toàn bộ nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trên đất đều là tài sản riêng của bà M. Việc các đương sự thống nhất toàn bộ tài sản trên đất là tài sản riêng của bà M là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định diện tích đất thuộc thửa số 236, tờ bản đồ địa chính số 61 (mới) xã AP là tài sản chung của ông Nguyễn Ngô Trị và bà Lê Thị M. Ông Trị chết năm 1992 không để lại di chúc nên ½ giá trị tài sản nêu trên trở thành di sản thừa kế theo pháp luật.

Ngày 21/01/2011, bà Lê Thị M vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Long Thành số tiền 900.000.000đ, tài sản thế chấp là nhà, đất thuộc thửa số 236, tờ bản đồ địa chính số 61 (mới) xã AP. Do bà M không thanh toán được nợ nên Công ty TNHH MTV Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện. Tại bản án số 13/2016/DSST ngày 27/5/2016, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã buộc bà Lê Thị M phải trả cho Công ty TNHH MTV Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 1.927.250.000đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/5/2016 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số dư nợ gốc còn lại đến khi thanh toán hết nợ.

Để thi hành bản án số 13/2016/DSST ngày 27/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT đã tiến hành kê biên, phát mãi, bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 236, tờ bản đồ địa chính số 61 (mới) xã AP.

Qua các tài liệu do Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT cung cấp thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 236, tờ bản đồ địa chính số 61 (mới) xã AP bán đấu giá được số tiền 5.921.000.000đ. Sau khi trừ số tiền phải thi hành án và các chi phí liên quan, án phí, tổng số tiền còn lại là 3.105.011.870đ và hiện cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT đang quản lý. Đối với nhà, đất thuộc thửa số 236, tờ bản đồ địa chính số 61 (mới) xã AP đã được Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT bàn giao cho người trúng đấu giá.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 281/CT-TTA.TĐG ngày 17/10/2018 của Công ty cổ phần thẩm định giá Trung Tín mà cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT đã dùng để xác định giá trị tài sản thì quyền sử dụng đất diện tích 474m^2 thuộc thửa số 236, tờ bản đồ địa chính số 61 (mới) xã AP trị giá 5.583.600.000đ; các công trình và cây cối trên đất có tổng trị giá 632.205.000đ. Sau khi được Tòa án công bố giá trị tài sản, các đương sự đều thống nhất như giá trị thể hiện trong Chứng thư thẩm định giá số 281/CT.TTA.TĐG, không ai có yêu cầu xem xét thẩm định lại.

Trên cơ sở chứng thư thẩm định giá nêu trên, Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT đã tiến hành hợp đồng với Chi nhánh Công ty TNHH MTV kinh doanh bất động sản Minh Châu Cường để bán đấu giá. Không có người đăng ký với giá khởi điểm 6.215.805.000đ nên ngày 16/4/2019 Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-CCTHADS giảm 05% so với giá theo chứng thư thẩm định, giá khởi điểm còn 5.905.014.750đ. Do giảm 5% nên tài sản trên đất khi tiến hành đấu giá có giá 600.594.750đ, tương ứng với 10,17% tổng giá trị nhà, đất.

Ngày 24/5/2019, Chi nhánh Công ty TNHH MTV kinh doanh bất động sản Minh Châu Cường đã tổ chức bán đấu giá thành, người mua trúng đấu giá với giá 5.921.000.000đ, phần tài sản trên đất sau khi bán đấu giá thành trị giá: 5.921.000.000đ x 10,17% = 602.165.700đ.

Như vậy, tài sản chung là quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Ngô Trị và bà Lê Thị M có giá trị 5.921.000.000đ – 602.165.700đ = 5.318.834.300đ, trong đó, di sản thừa kế của ông Trị để lại là: 5.318.834.300đ : 2 = 2.659.417.150đ. Số tiền hiện cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành còn giữ là 3.105.011.870đ, trong đó 3.105.011.870đ – 2.659.417.150đ = 445.594.720đ là tài sản riêng của bà M trong khối tài sản chung.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Ngô Trị có 04 người gồm: vợ là bà Lê Thị M, cha đẻ là ông Nguyễn Ngô Th, mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L2, con đẻ là ông Nguyễn Ngô Lê Minh A. Phần di sản thừa kế mà mỗi người được hưởng như sau: 2.659.417.150đ : 4 = 664.854.287đ.

Ngoài khoản nợ Công ty TNHH MTV Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, bà Lê Thị M còn nợ nhiều người khác gồm: nợ bà

Nguyễn Thị T1 155.000.000đ; nợ vợ chồng bà Nguyễn Phương L, Nguyễn Sinh T 1.028.907.818đ; nợ bà Đặng Thị H1 250.700.000đ; nợ bà Nguyễn Thị Tr 388.230.375đ; nợ bà Thái Thị N 150.000.000đ; nợ ông Nguyễn Văn G 68.155.000đ; nợ bà Phạm Thị Ngọc P 32.700.000đ; nợ anh Lê Văn N 62.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thị H 10.000.000đ; nợ ông Trần Hoàng D 30.000.000đ. Những khoản nợ này đã được Tòa án xem xét, giải quyết bằng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT đang thi hành.

Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án xem xét buộc bà M thanh toán hết các khoản nợ, còn lại bao nhiêu thì chia thừa kế theo pháp luật. Ý kiến trên không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được xem xét giải quyết.

- Về việc thanh toán chi phí quản lý di sản:

Diện tích đất thuộc thửa số 236, tờ bản đồ địa chính số 61 (mới) xã AP được cấp cho vợ chồng ông Trị, bà M năm 1988 nên được xác định là tài sản chung của vợ chồng. Năm 1992, ông Trị hi sinh nên phần tài sản của ông Trị trong khối tài sản chung trở thành di sản thừa kế. Kể từ năm 1992 tới nay, ông Minh A, bà M, ông Th, bà L2 không chỉ định người quản lý di sản nên bà M vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng tài sản chung của vợ chồng.

Trong quá trình sử dụng tài sản chung, trong đó có 01 phần là di sản thừa kế do ông Trị để lại, bà M, ông Minh A đã thế chấp vay tiền mà không được sự đồng ý của ông Th, bà L2, không thông báo về tình trạng di sản thừa kế cho những người thừa kế khác. Sau khi bị cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện LT phát mãi tài sản, bà M cũng không đồng ý chia di sản thừa kế của ông Trị để lại, khiến ông Nguyễn Ngô Lê Minh A là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất phải khởi kiện. Do đó, bà M đã vi phạm quy định về nghĩa vụ của người quản lý di sản theo quy định tại khoản 2 Điều 617 Bộ luật dân sự năm 2015 nên không xem xét để bà M được hưởng các chi phí liên quan đến quản lý di sản.

Hơn nữa, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị M không yêu cầu Tòa án xem xét thanh toán chi phí quản lý di sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí DSST: Những người được phân chia di sản thừa kế phải nộp tiền án phí tương ứng với số tiền mà họ được hưởng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Ngô Th, bà Nguyễn Thị L2 là người cao tuổi và cùng với ông Nguyễn Ngô Lê Minh A đều là thân nhân liệt sĩ, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Th, bà L2, ông Minh A. Bà Lê Thị M cũng là thân nhân liệt sĩ nhưng không có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên buộc bà M phải nộp án phí tương ứng với phần di sản thừa kế bà M được hưởng là 30.594.000đ. Hoàn trả cho ông A tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 39, 157, 165; Điều 203, 220, 227, 228, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 609, 611, 616, 617, 618, 623, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngô Lê Minh A về việc chia di sản thừa kế.

Chia cho ông Nguyễn Ngô Lê Minh A kỷ phần thừa kế do ông Nguyễn Ngô Trị để lại là 664.854.287đ (sáu trăm sáu mươi tư triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm tám mươi bảy đồng).

Chia cho ông Nguyễn Ngô Th kỷ phần thừa kế do ông Nguyễn Ngô Trị để lại là 664.854.287đ (sáu trăm sáu mươi tư triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm tám mươi bảy đồng).

Chia cho bà Nguyễn Thị L2 kỷ phần thừa kế do ông Nguyễn Ngô Trị để lại là 664.854.287đ (sáu trăm sáu mươi tư triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm tám mươi bảy đồng).

Chia cho bà Lê Thị M kỷ phần thừa kế do ông Nguyễn Ngô Trị để lại là 664.854.287đ (sáu trăm sáu mươi tư triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm tám mươi bảy đồng).

Toàn bộ số tiền là di sản thừa kế hiện cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT đang quản lý.

Về án phí DSST: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Ngô Lê Minh A, ông Nguyễn Ngô Th và bà Nguyễn Thị L2. Hoàn trả cho ông Minh A 28.500.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005067 ngày 30/5/2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Bà Lê Thị M phải nộp 30.594.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật sân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà T1, ông D, anh N, ông G, Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKS ND tỉnh Đồng Nai;*
- *T.H.A dân sự H. Long Thành;*
- *VKS H. Long Thành;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS, VP.*

Nguyễn Đình Trung